TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 248/2026/QĐST-LĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Trọng Quân

***Thư ký phiên họp*:** Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 305/2026/VLĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 238/2026/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; nơi thường trú: Ấp VT, xã V, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: X Đại lộ B, khu 1, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện hợp pháp: Ông Đinh DB, sinh năm 1975; địa chỉ: Y tổ Z, khu phố H2, phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH chế biến gỗ PT; địa chỉ: khu phố HL, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở B; địa chỉ: số M, đường D, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh T, chức vụ: Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị N trình bày:

Trước đây, bà N có thời gian làm việc tại Công ty TNHH VN tại địa chỉ khu phố An Thành, phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 4/2005 đến tháng 9/2005 và được Công ty kê khai, đóng bảo hiểm xã hội theo mã số 9105038311. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2005 đến tháng 02/2026

có người đã sử dụng chứng minh nhân dân của bà N để giao kết hợp đồng và đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH chế biến gỗ PT, địa chỉ tại khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh với mã số bảo hiểm 9105114270.

Thời gian gần đây, bà N đi chốt sổ bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng bảo hiểm trong thời gian từ tháng 8/2005 và tháng 9/2005. Bà N xác định không giao kết hợp đồng lao động, không làm việc và nộp bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH chế biến gỗ PT.

Nay, bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nguyễn Thị N với Công ty TNHH chế biến gỗ PT là vô hiệu

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH chế biến gỗ PT đã được Tòa án thông báo nội dung yêu cầu và tống đạt Quyết định mở phiên họp, nhưng không có mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở B (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua tra cứu dữ liệu đang quản lý, bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 01/01/1986; căn cước công dân số 089186009841 có tham gia BHXH như sau:

+) Sổ 9105114270 có quá trình tham gia vào tháng 8/2005 đến tháng 02/2006 tại Công ty TNHH chế biến gỗ PT.

+) Sổ 9105038311 có quá trình tham gia từ tháng 4/2005 đến tháng 9/2005 tại Công ty TNHH VN và mã số 9107147003 từ tháng 7/2006 đến tháng 11/2006.

Mã số bảo hiểm 9105114270 và 9105038311 chưa được đồng bộ với mã số bảo hiểm 9107147003.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH chế biến gỗ PT vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian tháng 8/2005 đến tháng 02/2006, người lao động tên Nguyễn Thị N giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH chế biến gỗ PT và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 9105114270. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian nêu trên là bà Nguyễn Thị N đang giao kết và thực hiện hợp đồng lao động tại Công ty TNHH VN. Theo xác định của Cơ quan bảo hiểm xã hội, bà Nguyễn Thị N có 03 mã số bảo hiểm gồm: Sổ 9105114270; sổ 9105038311 và sổ 9107147003.

[2.2] Xét thấy, lời trình bày của bà N là phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội tại Công văn số 370/CV-BHXH và Công văn số 371/CV-BHXH ngày

18/8/2025 về việc bà N có từ 2 mã số BHXH trở lên. Như vậy, trong khoảng thời gian tháng 8/2005 đến tháng 02/2006, bà N đang làm việc tại Công ty TNHH VN và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; không thể trong cùng một thời gian lại đóng bảo hiểm xã hội với hai mã số khác nhau, tại hai công ty khác nhau. Do đó, có căn cứ xác định chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH chế biến gỗ PT trong khoảng thời gian tháng 8/2005 đến tháng 02/2006 là người khác, không phải bà Nguyễn Thị N.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*"; theo khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định một người khác sử dụng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị N để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH là 9105114270 vào tháng 8/2005 đến tháng 02/2006 tại Công ty TNHH chế biến gỗ PT là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nguyễn Thị N với Công ty TNHH chế biến gỗ PT theo sổ bảo hiểm xã hội số 9105114270 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô*

hiệu", bà Nguyễn Thị N có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin bảo hiểm xã hội cho đúng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9 của Bộ luật lao động năm 1994;

- Khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị N.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nguyễn Thị N với Công ty TNHH chế biến gỗ PT (theo sổ bảo hiểm xã hội số 9105114270) bị vô hiệu toàn bộ.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9105114270 không phải là bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 01/01/1986, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 089186009841. Bà Nguyễn Thị N có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại bảo hiểm xã hội theo quy định.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000556 ngày 02/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND KV 16 – Tp. HCM;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Trọng Quân